

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST.
Ngày 15 tháng 11 năm 2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Hảo;

2. Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Long Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020; Về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Xóm Ấp Giáo, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người phiên dịch của chị T: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Xóm Ấp Giáo, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Là mẹ đẻ của chị T).

Bị đơn: Anh HEWA PELANDAGE UMAL M, sinh năm 1994; Quốc tịch: Sri LanKa.

Địa chỉ: Số 92/14/F3 Vijaya, Kumaratunga Mawatha, Polhengoda, Colombo 05.

Tạm trú tại: 51 B đường 18, phường H, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay tại Việt Nam: Căn hộ 16, tầng 42, tòa nhà căn hộ M, 60 Trần Phú, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người phiên dịch ngôn ngữ tiếng Anh: Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1981; Cộng tác viên dịch thuật tiếng Anh của phòng tư pháp N.

Người phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu: Bà Phan Thị S, sinh năm 1965; Phiên dịch viên ngôn ngữ ký hiệu.

(Chị T, bà M, anh HEWA PELANDAGE UMAL M đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 01/10/2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh HEWA PELANDAGE UMAL M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 30/12/2016 tại UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh HEWA PELANDAGE UMAL M ở Việt Nam đến năm 2017 anh HEWA PELANDAGE UMAL M trở về Sri Lanka sống từ đó đến nay vợ chồng ít liên lạc với nhau. Trong thời gian sống ở Việt Nam vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ngôn ngữ, lối sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh HEWA PELANDAGE UMAL M.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung cháu H. P. D, sinh ngày 23/9/2017, hiện đang ở với anh HEWA PELANDAGE UMAL M. Khi ly hôn chị nhất trí để anh HEWA PELANDAGE UMAL M nuôi con, còn về cấp dưỡng nuôi con chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị xác định hai vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí và các chi phí tố tụng khác chị T xin chịu theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh HEWA PELANDAGE UMAL M có lời khai trình bày : Về ngày, tháng, năm kết hôn và các thủ tục kết hôn chị T trình bày là đúng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2020. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có người đàn ông khác. Nay anh HEWA PELANDAGE UMAL M cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh HEWA PELANDAGE UMAL M xác định vợ chồng có 01 con chung cháu H. P. D, sinh ngày 23/9/2017, hiện đang ở với anh. Khi ly hôn anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác định hai vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký,

Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng điều 55, 81, 82, 83, 123 luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân : Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh *HEWA PELANDAGE UMAL M*.

Về con chung: Giao cho anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. P. D, sinh ngày 23/9/2017, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* không yêu cầu. Sau ly hôn, hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức đóng góp: không có nên không giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị T xin chịu 150.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T nộp đơn xin ly hôn anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Bị đơn anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* có quốc tịch Sri Lan Ka nên vụ án thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam theo điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* đang sinh sống tại Sri Lan Ka, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ủy thác tư pháp tại văn bản số 49/TTTPDS-TA44 ngày 16/3/2021 và văn bản số 180/TA-DS ngày 06/5/2021; Ngày 30/6/2021 Bộ tư pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có văn bản số 1610 kèm theo hồ sơ ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ gửi Bộ tư pháp Cộng hòa xã hội chủ nghĩa dân chủ Sri Lan Ka; Ngày 09/8/2021 Bộ tư pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có văn bản số 2354/BTP-PLQT về việc trả lại hồ sơ ủy thác tư pháp cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ với lý do Dịch bệnh Covid – 19 Bưu điện Việt Nam tạm dừng nhận, gửi dịch vụ bưu phẩm, Bưu kiện tới nước Sri Lan Ka. Ngày 24/9/2021 chị Nguyễn Thị T cung cấp địa chỉ

của anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* hiện nay đang ở Việt Nam; Tại công văn số 25040/QLXNC-P4 ngày 12/10/2021 Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an cung cấp thông tin anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* nhập cảnh ngày 25/02/2020 được cấp thẻ tạm trú có thời hạn đến ngày 07/6/2024, khai báo tạm trú tại: 51 B đường 18, phường H, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh, chưa có thông tin xuất cảnh. Ngày 24/9/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ủy thác cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tổng đạt các văn bản tố tụng và lấy lời khai của anh *HEWA PELANDAGE UMAL M*; Anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* và chị T đều đề nghị được vắng mặt tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và đề nghị không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* đăng ký kết hôn ngày 30/12/2016 tại UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng ngôn ngữ, lối sống, đầu năm 2017 anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* về Sri Lan Ka sinh sống hai bên không quan tâm đến nhau, nay chị T và anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung đã chấm dứt nên đều thuận tình xin được ly hôn. Xét nguyện vọng xin được ly hôn của hai bên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung cháu H. P. D, sinh ngày 23/9/2017, hiện nay đang ở với anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* khi ly hôn chị T nhất trí để anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* được trực tiếp nuôi dưỡng, anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Đây là sự tự nguyện của các đương sự phù hợp với điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T và anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* đều xác định không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; điều 153; khoản 1 điều 168; khoản 4 Điều 207; khoản 1 điều 228; khoản 1 điều 470; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27; điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh *HEWA PELANDAGE UMAL M*.

2. Về con chung: Giao cho anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. P. D, sinh ngày 23/9/2017, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* tự nguyện không yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T và anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T xin chịu cả 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004274 ngày 19/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị T 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

5. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) lệ phí ủy thác tư pháp. Xác nhận chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004344 ngày 24/02/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Chị Nguyễn Thị T xin chịu toàn bộ tiền chi phí dịch thuật và chi phí phiên dịch là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*). Xác nhận chị T đã nộp đủ số tiền trên và đã chi phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh *HEWA PELANDAGE UMAL M* có quyền kháng cáo trong thời hạn 01

(Một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND huyện T;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hà Giang